

Bản án số: 10/2024/HS-ST
Ngày 16-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Hồng Linh.

Ông Dương Công Núi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS, ngày 29 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐ-HSST ngày 19/3/2024; thông báo thời gian mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 03/4/2024 đối với bị cáo:

Trịnh Kim O, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1985, tại huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Trường S và bà Phạm Thị N; có chồng: Dương Công Q và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa vi phạm pháp luật và bị xử lý lần nào; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, sinh hoạt tại Chi bộ trường Tiểu học thị trấn B, thuộc Đảng bộ thị trấn B đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng (theo Quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng số 59-QĐ/UBNDTHU ngày 12/3/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy huyện B, tỉnh Lạng Sơn); bị bắt tạm giữ từ ngày 22/11/2023 đến ngày 01/12/2023, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 01/12/2023 đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Dương Thị N1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

2. Chị Dương Thị Kim O1, sinh năm 1987, nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến tháng 12/2019, Trịnh Kim O, sinh năm 1985, trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn cho Dương Thị N1, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn và Dương Thị Kim O1, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất cao, cho vay và nhận số tiền trả lãi qua số tài khoản 8411215011352 mang tên Trịnh Kim O mở tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện B.

Qua kết quả tra cứu tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn cung cấp: Sổ phụ của tên khách hàng Trịnh Kim O, địa chỉ: Trường Tiểu học thị trấn B, số tài khoản 8411215011352; Sổ phụ của tên khách hàng Dương Thị Kim O1, địa chỉ: Trường Mầm non thị trấn B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, số tài khoản 8411215002532. Tra cứu tại Ngân hàng N2 chi nhánh huyện B, tỉnh Lạng Sơn: Sổ phụ của tên khách hàng Dương Thị N1, địa chỉ: Trường Mầm non xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, số tài khoản 8410215019714. Kết quả thể hiện có giao dịch Trịnh Kim O chuyển khoản cho Dương Thị N1 số tiền 60.000.000 đồng và các giao dịch thể hiện Dương Thị Kim O1 và Dương Thị N1 chuyển khoản cho Trịnh Kim O. Các tài liệu trên phù hợp với lời khai của đối tượng Trịnh Kim O và Dương Thị N1, Dương Thị Kim O1 đã trình bày tại Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra làm rõ: Trịnh Kim O, sinh năm 1985, trú tại thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn là Giáo viên đang công tác tại Trường Tiểu học thị trấn B. Do có quan hệ quen biết với nhiều giáo viên khác có nhu cầu vay tiền nên từ năm 2018 đến năm 2019 Trịnh Kim O sử dụng nguồn tiền của cá nhân hoạt động cho vay lãi và áp dụng theo hình thức cho vay tiền mặt hoặc chuyển khoản, lập giấy vay tiền không ghi lãi suất, việc tính lãi suất được thỏa thuận bằng miệng là 3.000đồng/ 01 triệu đồng/ 01 ngày và cứ 30 ngày trả tiền lãi một lần, trả bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (BLDS) 2015 thì “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay...*”, đối chiếu với quy định tại thông tư số 14/2017/TT-NHNN ngày 29/9/2017 của Ngân hàng N3 quy định phương pháp tính lãi trong hoạt động nhận tiền gửi, cấp tín dụng giữa tổ chức tín dụng với khách hàng thì lãi suất tính theo ngày không được vượt quá mức 547,95 đồng/01 triệu đồng/01 ngày. Trịnh Kim O đã cho 02 (hai) người dân trên địa bàn huyện B, tỉnh Lạng Sơn vay tiền với lãi suất theo thỏa thuận là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, số tiền lãi thực tế O đã nhận được (từ 2.873đ đến 3.000đ/01 triệu/01 ngày) tương ứng từ 104,77% đến 109,50%/năm (gấp hơn 05 lần mức lãi suất cho phép), cụ thể như sau:

1. Trường hợp Dương Thị N1, sinh năm 1989, trú tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn:

Ngày 16/5/2019, Trịnh Kim O chuyển khoản cho Dương Thị N1 vay số tiền 60.000.000 đồng. Giữa hai bên thỏa thuận tính lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mỗi ngày N1 phải trả cho O 180.000 đồng tiền lãi, khi cho vay tiền giữa O và N1 có viết giấy ghi nợ, không ghi lãi suất trong giấy vay nợ, thỏa thuận bằng miệng với nhau cứ 30 ngày trả tiền lãi một lần bằng hình thức chuyển khoản hoặc là tiền mặt. Để tạo sự tin tưởng cho O, Dương Thị N1 để lại các giấy tờ cá nhân cho O giữ, bao gồm: 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng, 01 bằng tốt nghiệp trung cấp, 01 sổ bảo hiểm xã hội và 01 bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông. Quá trình O nhận tiền lãi từ Nương cụ thể như sau:

Tháng 6/2019, cả O và N1 đều không nhớ rõ ngày nào, N1 trả cho O số tiền lãi 5.300.000 đồng tiền mặt (còn thiếu 100.000 đồng Nương xin nợ hẹn tháng sau sẽ trả đủ, O đồng ý). Ngày 16/7/2019, N1 chuyển khoản cho O số tiền 5.500.000 đồng tiền lãi, trong đó có 100.000 đồng là tiền lãi còn thiếu của tháng trước, còn số tiền 5.400.000 đồng là tiền lãi của 30 ngày (từ ngày 16/6/2019 đến ngày 15/7/2019). Đến tháng 8/2019, N1 chuyển khoản cho O tổng 03 lần (cụ thể: ngày 12/8/2022 chuyển 4.800.000 đồng; ngày 23/8/2019 chuyển khoản 02 lần, lần 1 là 1.000.000 đồng, lần 2 là 1.600.000 đồng) với tổng số tiền là 7.400.000 đồng, trong đó có 5.400.000 đồng là tiền lãi 30 ngày (từ ngày 16/7/2019 đến ngày 14/8/2019), còn số tiền 2.000.000 đồng là để trả tiền gốc. Tổng số tiền lãi mà O nhận của N1 là 16.200.000 đồng tương đương với 90 ngày tiền lãi.

Từ ngày 15/8/2019, N1 còn nợ O số tiền gốc là 58.000.000 đồng, theo thỏa thuận thì N1 phải trả cho O 174.000đồng/01 ngày tiền lãi; do N1 không có điều kiện để trả đủ số tiền lãi theo thỏa thuận nên hai bên đã thống nhất N1 trả cho O 5.000.000 đồng tiền lãi tương đương với 30 ngày (166,666 đồng/01 ngày/58 triệu tương ứng 104,89%/năm), ngày 13/9/2019 N1 chuyển khoản cho O số tiền 7.000.000 đồng, trong đó có 5.000.000 đồng tiền lãi và 2.000.000 đồng tiền gốc. Lúc này số tiền gốc mà N1 còn nợ O là 56.000.000 đồng.

Sau đó, do không có khả năng để trả tiền lãi tiếp được nữa nên hai bên thống nhất N1 không phải trả tiền lãi cho O nữa mà chỉ phải trả số tiền gốc còn lại là 56.000.000 đồng. Đến ngày 27/9/2019, N1 đưa 39.000.000 đồng tiền mặt cho O để trả tiền gốc. Từ thời điểm đó đến nay Nương chưa trả được O số tiền gốc còn lại, hiện nay N1 còn nợ O số tiền gốc là 17.000.000 đồng.

Đối với khoản vay trên Dương Thị N1 chưa thực hiện xong hợp đồng với O. Tính theo lãi suất tối đa của BLDS 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Trịnh Kim O được hưởng từ khoản vay trên, cụ thể:

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 60.000.000 đồng là: $547,95 \text{ đồng}/01 \text{ triệu đồng}/01 \text{ ngày} \times 60 \text{ triệu đồng} \times 90 \text{ ngày} = 2.958.930 \text{ đồng}$. Số tiền O thu lợi bất chính là: $16.200.000 \text{ đồng} - 2.958.930 \text{ đồng} = 13.241.070 \text{ đồng}$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 58.000.000 đồng là: $547,95 \text{ đồng/01 triệu đồng/01 ngày} \times 58 \text{ triệu đồng} \times 30 \text{ ngày} = 953.433 \text{ đồng}$. Số tiền O thu lợi bất chính là: $5.000.000 \text{ đồng} - 953.433 \text{ đồng} = 4.046.567 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền Trịnh Kim O cho Dương Thị N1 vay là 60.000.000 đồng và thu lợi bất chính là $13.241.070 \text{ đồng} + 4.046.467 \text{ đồng} = 17.287.637 \text{ đồng}$; đối với khoản vay trên từ ngày 13/9/2019, O không thu lãi từ khoản vay này và thống nhất với N1 chỉ cần trả số tiền gốc còn lại, đồng thời O cũng đã hủy giấy vay tiền và trả lại đầy đủ các giấy tờ khi N1 vay tiền đã đưa cho O, đến nay N1 còn nợ O 17.000.000 đồng tiền gốc.

2. Trường hợp Dương Thị Kim O1, sinh năm 1987, trú tại thôn K, xã Đ, huyện B, tỉnh Lạng Sơn:

Từ tháng 01/2018 đến tháng 8/2019, Trịnh Kim O cho Dương Thị Kim O1 vay tiền với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày, khi cho vay tiền giữa Trịnh Kim O và Dương Thị Kim O1 có viết giấy ghi nợ, không ghi lãi suất trong giấy vay nợ, thỏa thuận bằng miệng với nhau cứ 30 ngày trả tiền lãi một lần bằng hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản và Dương Thị Kim O1 có để lại một số giấy tờ 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng, 01 bằng điểm cao đẳng, 01 sổ bảo hiểm xã hội cho Trịnh Kim O để làm tin. Cụ thể như sau:

Ngày 03/01/2018, Trịnh Kim O cho Dương Thị Kim O1 vay số tiền 50.000.000 đồng tiền mặt, theo như thỏa thuận lãi suất cho vay là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương đương mỗi ngày Dương Thị Kim O1 phải trả cho Trịnh Kim O 150.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 03/02/2018, Dương Thị Kim O1 trả cho Trịnh Kim O số tiền lãi của 30 ngày tương đương với số tiền 4.500.000 đồng.

Đến ngày 04/02/2018, Trịnh Kim O cho Dương Thị Kim O1 vay thêm 20.000.000 đồng tiền mặt, lãi suất theo thỏa thuận như trước là 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, lúc này tổng số tiền gốc mà Dương Thị Kim O1 vay là 70.000.000 đồng, tương đương Dương Thị Kim O1 phải trả cho Trịnh Kim O 210.000 đồng/1 ngày tiền lãi. Trong tháng 3 và tháng 4 năm 2018 (cả hai bên đều không nhớ rõ ngày), Dương Thị Kim O1 trả Trịnh Kim O 02 lần tiền mặt tiền lãi, mỗi lần 6.300.000 đồng, tổng cộng là 12.600.000 đồng. Ngày 10/5/2018, Dương Thị Kim O1 chuyển khoản cho Trịnh Kim O số tiền 5.000.000 đồng và đưa 1.300.000 đồng tiền mặt cho Trịnh Kim O để trả tiền lãi. Từ ngày 11/6/2018 đến ngày 17/10/2018, Dương Thị Kim O1 chuyển khoản cho Trịnh Kim O 09 lần với tổng số tiền là 31.500.000 đồng tiền lãi. Trong tháng 11/2018 (cả hai bên đều không nhớ rõ ngày), Dương Thị Kim O1 trả cho Trịnh Kim O 6.300.000 đồng tiền mặt tiền lãi. Từ ngày 12/12/2018 đến ngày 21/01/2019, Dương Thị Kim O1 chuyển khoản cho Trịnh Kim O 04 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng tiền lãi. Tháng 02/2019, hai bên đều không nhớ ngày nào, Dương Thị Kim O1 trả cho Trịnh Kim O 6.300.000 đồng tiền mặt tiền lãi. Từ ngày 07/3/2019 đến ngày 10/4/2019, Dương Thị Kim O1 chuyển khoản cho Trịnh Kim O 03 lần với tổng số tiền là 12.000.000 đồng tiền lãi. Tổng số tiền lãi mà Trịnh Kim O nhận được từ số tiền gốc 70.000.000 đồng là 87.000.000 đồng tương đương với 430 ngày tiền lãi.

Đến ngày 13/4/2019, do Dương Thị Kim O1 không có điều kiện để trả tiếp tiền lãi nên hai bên đã thống nhất không tính tiền lãi nữa mà chốt số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Từ ngày 13/4/2019 đến ngày 14/8/2019, Dương Thị Kim O1 đã chuyển khoản cho Trịnh Kim O 14 lần với tổng số tiền là 67.000.000 đồng và đưa 3.000.000 đồng tiền mặt cho Trịnh Kim O. Giữa Dương Kim O1 và Trịnh Kim O đã thanh toán đầy đủ số tiền gốc cho nhau, đồng thời Trịnh Kim O cũng hủy giấy vay tiền và trả lại cho Dương Thị Kim O1 các giấy tờ mà trước đó đã giữ của Dương Thị Kim O1.

Đối với khoản vay trên Dương Thị Kim O1 đã thực hiện xong hợp đồng với Trịnh Kim O. Tính theo lãi suất tối đa của BLDS 2015 thì tiền lãi hợp pháp mà Trịnh Kim O được hưởng từ khoản vay trên, cụ thể:

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 50.000.000 đồng là: $547,95 \text{ đồng}/01 \text{ triệu đồng}/01 \text{ ngày} \times 50 \text{ triệu đồng} \times 30 \text{ ngày} = 821.925 \text{ đồng}$. Số tiền O thu lợi bất chính là: $4.500.000 \text{ đồng} - 821.925 \text{ đồng} = 3.678.075 \text{ đồng}$.

Tiền lãi hợp pháp từ số tiền gốc 70.000.000 đồng là: $547,95 \text{ đồng}/01 \text{ triệu đồng}/01 \text{ ngày} \times 70 \text{ triệu đồng} \times 430 \text{ ngày} = 16.493.295 \text{ đồng}$. Số tiền O thu lợi bất chính là: $87.000.000 \text{ đồng} - 16.493.295 \text{ đồng} = 70.506.705 \text{ đồng}$.

Xác định, tổng số tiền Trịnh Kim O cho Dương Thị Kim O1 vay là 70.000.000 đồng và thu lợi bất chính là $3.678.075 \text{ đồng} + 70.506.705 \text{ đồng} = 74.184.780 \text{ đồng}$.

Như vậy, quá trình điều tra xác định được tổng số tiền Trịnh Kim O cho Dương Thị N1 và Dương Thị Kim O1 vay số tiền gốc là 130.000.000 đồng. Số tiền Trịnh Kim O thu lợi bất chính là $17.287.637 \text{ đồng} + 74.184.780 \text{ đồng} = 91.472.417 \text{ đồng}$.

Về vật chứng của vụ án: Không có.

Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Dương Thị N1 và Dương Thị Kim O1 đều có đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 08/CT- VKSBS ngày 29 tháng 02 năm 2024, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trịnh Kim O về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Trịnh Kim O đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn tại phiên tòa giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Kim O phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Về hình phạt đề nghị: Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 201 điểm i, s, v khoản 1, Điều 51, Điều 36, 46, 47 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trịnh Kim O từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi 9 ngày bị cáo đã bị tạm giữ, quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ.

Đề nghị khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập của bị cáo mỗi tháng để sung vào ngân sách Nhà nước bị cáo phải nộp mỗi tháng từ 1.122.700 đồng đến 1.684.050 đồng.

Đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bị cáo từ 30.000.000đ đến 40.000.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu số tiền gốc mà những người vay đã trả cho bị cáo 113.000.000đ. Truy thu số tiền gốc chưa trả của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị N1 17.000.000đ. Truy thu số tiền lãi hợp pháp là tiền do phạm tội mà có của bị cáo 21.227.583đ.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 123,131, 357 và 468 Bộ luật Dân sự. Bị cáo phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dương Thị N1 17.287.637đ; Dương Thị Kim O1 74.184.780đ.

Phản tranh luận: Bị cáo có ý kiến tranh luận đề nghị áp dụng hình phạt tiền, trong trường hợp phạt cải tạo không giam giữ đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến tranh luận đối đáp căn cứ vào các quy định của pháp luật, mức đề nghị của viện kiểm sát đưa ra là phù hợp, không chấp nhận ý kiến của bị cáo áp dụng hình phạt tiền.

Lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ về hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt người liên quan nhưng đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ, phiên tòa mở lần thứ hai. Bị cáo và Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Trong thời gian từ năm 2018 đến năm 2019, Trịnh Kim O đã cho Dương Thị N1 và Dương Thị Kim O1 vay tiền với lãi suất từ 2.873 đồng/01 triệu đồng/01 ngày đến 3.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày, tương ứng với mức lãi suất từ 104,89% đến 109,5%/năm gấp trên 05 lần mức lãi suất được pháp luật cho phép quy định tại Điều 468 BLDS 2015, bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Cụ thể: Cho Dương Thị N1 vay 60.000.000 đồng và đã thu lãi của N1 tổng số tiền 21.200.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 17.287.637 đồng; cho

Dương Thị Kim O1 vay tổng số tiền là 70.000.000 đồng và đã thu lãi của Dương Thị Kim O1 tổng số tiền 91.500.000 đồng, trong đó số tiền thu lợi bất chính là 74.184.780 đồng.

Như vậy, Trịnh Kim O đã cho Dương Thị N1 và Dương Thị Kim O1 vay với tổng số tiền gốc là 130.000.000 đồng, đã thu lãi thực tế tổng số tiền là 112.700.000 đồng, trong đó tổng số tiền Trịnh Kim O thu lợi bất chính (Lãi bất hợp pháp) là 91.472.417 đồng. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Trịnh Kim O phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Bản cáo trạng số 08/CT-VKSBS, ngày 29/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Trịnh Kim O về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Đây là vụ án Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội là do bị cáo háms lợi, vụ án tuy thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý các hoạt động tín dụng, xâm phạm lợi ích hợp pháp của công dân, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay lãi nặng là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm nhưng chỉ vì háms lợi mà cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục bị cáo và răn đe, làm gương cho những người khác có ý định thực hiện hành vi phạm tội tương tự.

[5] Để cá thể hoá hình phạt, ngoài việc xem xét tính chất, hành vi phạm tội nêu trên thì còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ để quyết định hình phạt; về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, chưa bị xử lý kỷ luật; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố vụ án và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng thưởng nhiều giấy khen, danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s, v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Từ những phân tích trên khi lượng hình cần quyết định một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, bảo đảm tính giáo dục và có tính răn đe, phòng ngừa chung.

[7] Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nơi làm việc ổn định và có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, tự giác cải tạo tốt trở thành người có ích cho xã hội. Trong quá trình điều tra bị cáo đã bị tạm giữ 09 ngày nên được trừ đi thời gian cải tạo không giam giữ là 27 ngày.

[8] Về khấu trừ thu nhập: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 28/12/2023 của Trường tiểu học T bị cáo có việc làm, có thu nhập ổn định mức lương hiện được hưởng là 11.227.000đ nên cần khấu trừ thu nhập hàng tháng là 10% đối với bị cáo.

[9] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 06/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã B nơi bị cáo cư trú bị cáo có tài sản nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về áp dụng biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc bị cáo cho vay, người vay đã trả 113.000.000đ là phương tiện phạm tội nên cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền gốc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị N1 17.000.000đ chưa trả cho bị cáo cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền lãi hợp pháp của bị cáo 21.227.583đ là tiền do phạm tội mà có nên truy thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện và về mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; ý kiến tranh luận của bị cáo đề nghị được áp dụng hình phạt tiền, trong trường hợp phạt cải tạo không giam giữ thì xin giảm nhẹ hình phạt không phù hợp để chấp nhận.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dương Thị N1 17.287.637đ; Dương Thị Kim O1 74.184.780đ.

[13] Về vật chứng của vụ án: Không có.

[14] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định. Bị cáo và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 201; điểm i, s, v khoản 1 Điều 51; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; khoản 1 Điều 333, của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 123, 131, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trịnh Kim O phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trịnh Kim O 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được trừ thời gian tạm giữ 09 (chín) ngày, tương đương bằng 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm, 05 (năm) tháng, 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Về khấu trừ thu nhập: Khấu trừ thu nhập của bị cáo Trịnh Kim O với số tiền một tháng là 1.122.700 đồng (một triệu một trăm hai mươi hai nghìn bảy trăm đồng)/tháng, trong thời gian cải tạo không giam giữ, để nộp ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Trịnh Kim O cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện B nhận được Quyết định thi hành án. Trong trường hợp người bị kết án cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo Trịnh Kim O 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Áp dụng biện pháp tư pháp:

Bị cáo Trịnh Kim O phải nộp truy thu số tiền 134.227.583đ (một trăm ba mươi tư triệu hai trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm tám ba đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Dương Thị N1 phải nộp truy thu số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước

5. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Kim O phải trả lại số tiền lãi trái pháp luật cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Dương Thị N1 17.287.637đ (mười bảy triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm ba bảy đồng); Dương Thị Kim O1 74.184.780đ (bảy mươi tư triệu một trăm tám mươi tư nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Bị cáo Trịnh Kim O phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng KTNV-TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Sơn;
- Công an huyện Bắc Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Sơn;
- Ủy ban Kiểm tra huyện Ủy Bắc Sơn;
- Đảng bộ thị trấn Bắc Sơn;
- Chi bộ trường Tiểu học thị trấn Bắc Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã Bắc Quỳnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Đức

